TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST Ngày: 26 – 4 – 2023 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Chí Phương là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Nông Trường S, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa, anh Nông Trường S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nông Trường S kết hôn năm 2009 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày

24/8/2015. Hôn nhân giữa chị N và anh S được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn.

Trong khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến hay cãi vã. Nguyên nhân do anh S mỗi lần đi nhậu về hay kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị N. Thường ngày anh S hay tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, chơi bời bên ngoài xã hội, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N và anh S sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nông Trường S.

Về con chung: Chị N và anh S có một con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh S. Chị N thống nhất giao con chung cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng và thống nhất cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2023 đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nông Trường S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nông Trường S. Về con chung: Giao con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010 cho anh Nông Trường S trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị Nguyễn Thị N (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của Nông Thị Tường V (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp

là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nông Trường S cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nông Trường S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nông Trường S.

Xét thấy, chị N và anh S kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 24/8/2015, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị N và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã. Nguyên nhân do anh S mỗi lần đi nhậu về hay kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị N. Thường ngày anh S hay tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, chơi bời bên ngoài xã hội, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N và anh S sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị N xác định giữa chị và anh S không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nông Trường S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N thống nhất giao con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010 cho anh Nông Trường S được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, kể từ khi ly thân đến nay anh Nông Trường S là người trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục cháu V. Tại bản khai 10/3/2023, cháu V có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với anh S. Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị N đều thống nhất giao cháu V cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay, cháu V đang theo học tại Trường Trung học cơ sở Tân

Thạnh. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, học tập và cũng để đảm bảo cho cháu V phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010 cho anh Nông Trường S nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N tự nguyện cấp dưỡng cho cháu V với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến ngày cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Xét thấy cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nông Trường S.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010 cho anh Nông Trường S trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nông Thị Tường V, sinh ngày 24/10/2010, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2023 đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016231 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nông Trường S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung